

Số: 04

Ngày 30/01/2023

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

- Quyền, nghĩa vụ của công dân trong thực hiện dân chủ cơ sở.
- Thời hạn của hợp đồng dầu khí được ưu đãi đầu tư là không quá 35 năm.
- 06 địa chỉ nhận tin báo tố giác về hành vi bạo lực gia đình.
- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Hướng dẫn thủ tục áp dụng thuế xuất khẩu ưu đãi theo Hiệp định EVFTA.
- Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định UKVFTA.
- Phân công nhiệm vụ của 3 Phó Thủ tướng Chính phủ.
- Xử lý nghiêm việc vận chuyển, kinh doanh thịt gia súc, gia cầm không rõ nguồn gốc.
- Quy định quản lý kinh phí ngân sách Nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
- Đội tuyển học sinh giỏi quốc gia Hà Nội có thể lên tới 20 người.
- Hướng dẫn quản lý tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Luật Căn cước công dân (sửa đổi).

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

- Cơ quan thuộc Chính phủ được xem xét thành lập cơ quan thanh tra khi nào?
- Xin hỏi thời hạn thực hiện một cuộc thanh tra?
- Căn cứ để tiến hành thanh tra?
- Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thanh tra?

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG THỰC HIỆN DÂN CHỦ CƠ SỞ

Ngày 10/11/2022, Quốc hội đã thông qua Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, số 10/2022/QH15.

Theo đó, công dân có các quyền trong thực hiện dân chủ ở cơ sở như sau: Được công khai thông tin và yêu cầu cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật; đề xuất sáng kiến, tham gia ý kiến, bàn và quyết định đối với các nội dung thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định; kiểm tra, giám sát, kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện đối với các quyết định, hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật; được công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp trong thực hiện dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật.

Trong thực hiện dân chủ ở cơ sở, công dân phải thực hiện các nghĩa vụ sau: Tuân thủ quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; tham gia ý kiến về các nội dung được đưa ra lấy ý kiến ở cơ sở theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; chấp hành quyết định của cộng đồng dân cư, chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức có sử dụng lao động; kịp thời kiến nghị, phản ánh, tố cáo đến cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; tôn trọng và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội,

lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Công dân được Nhà nước và pháp luật công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm thực hiện quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội; được thông tin đầy đủ, kịp thời về các quyền và lợi ích hợp pháp, chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội theo quy định của pháp luật và quyết định của chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức ở nơi mình cư trú, công tác, làm việc; được thụ hưởng thành quả đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội, chế độ an sinh xã hội; được tạo điều kiện để tham gia học tập, công tác, lao động, sản xuất, kinh doanh, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của bản thân, gia đình và cộng đồng.

Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở nghiêm cấm các hành vi gây khó khăn, phiền hà hoặc cản trở, đe dọa công dân thực hiện dân chủ ở cơ sở; bao che, cản trở, trù dập hoặc thiếu trách nhiệm trong việc giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo; lợi dụng việc thực hiện dân chủ ở cơ sở để thực hiện hành vi xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, giả mạo giấy tờ, gian lận hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bàn, quyết định, tham gia ý kiến của công dân.

Ngoài ra, Luật quy định cụ thể nội dung và hình thức chính quyền địa phương cấp xã phải công khai thông

tin; trách nhiệm tổ chức thực hiện ckt; những nội dung và hình thức nhân dân bàn và quyết định; những nội dung nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định, đặc biệt là các vấn đề dự thảo về phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch sử dụng đất, phương án điều chỉnh, quản lý và sử dụng quỹ đất, các chủ trương, chính sách đầu tư, xây dựng, đất đai, xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, đền bù giải phóng mặt bằng, chia tách sáp nhập, giải thể, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính, các quyết định hành chính của UBND cấp xã có liên quan đến lợi ích cộng đồng...; những nội dung và hình thức kiểm tra, giám sát của nhân dân và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm để nd thực hiện kiểm tra, giám sát...

Luật cũng quy định cụ thể việc thực hiện dân chủ ở cơ quan, đơn vị, trong đó nêu rõ những nội dung người đứng đầu cơ quan đơn vị phải công khai như: Kế hoạch công tác hằng năm, hằng quý, hằng tháng của cơ quan, đơn vị; Số liệu, báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền quyết định và các nguồn tài chính khác; tình hình thực hiện dự toán ngân sách và quyết toán ngân sách hằng năm của cơ quan, đơn vị; kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước; tiêu chuẩn, định mức, thủ tục hành chính về tài sản công; tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê, sử dụng, thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi công năng, bán, thanh lý, tiêu hủy và hình thức xử lý khác đối với tài sản công;

tình hình khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công được giao quản lý, sử dụng; việc tuyển dụng, tiếp nhận, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm, quy hoạch, chuyển đổi vị trí công tác; hợp đồng làm việc, thay đổi chức danh nghề nghiệp, thay đổi vị trí việc làm, chấm dứt hợp đồng làm việc; đi công tác nước ngoài; giải quyết chế độ, nâng bậc lương, nâng ngạch, đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; các đề án, dự án, chương trình, kế hoạch và việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan, đơn vị; kết luận của cấp có thẩm quyền về vụ việc tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong cơ quan, đơn vị; bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ phải kê khai theo quy định của pháp luật... bằng các hình thức công khai như thông báo trên hệ thống thông tin nội bộ hoặc đăng tải trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; tại hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị; thông báo bằng văn bản đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan, đơn vị...

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

2. THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG DẦU KHÍ ĐƯỢC ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ LÀ KHÔNG QUÁ 35 NĂM

Ngày 14/11/2022, Quốc hội thông qua Luật Dầu khí, số 12/2022/QH15. Luật này quy định về điều tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí trong phạm vi đất liền, hải đảo và vùng biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Theo đó, Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài đầu tư để tiến hành điều tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí tại Việt Nam nhằm gia tăng trữ lượng và sản lượng khai thác dầu khí tại các khu vực tiềm năng, các vùng nước sâu, xa bờ, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, phát triển kinh tế đất nước và bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của Việt Nam phù hợp với pháp luật quốc tế. Nhà nước bảo đảm quyền sở hữu đối với vốn đầu tư, tài sản và các quyền và lợi ích hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài tiến hành điều tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí tại Việt Nam. Nhà nước không thu tiền sử dụng khu vực biển để điều tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí, xử lý, vận chuyển tài nguyên dầu khí khai thác được trong các vùng biển của Việt Nam về bờ bằng đường ống theo hợp đồng dầu khí.

Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài chia sẻ và tiếp cận, sử dụng cơ sở hạ tầng, công trình dầu khí để thực hiện điều tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí theo thỏa thuận.

Việc điều tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí thực hiện theo nguyên tắc: Tài nguyên dầu khí của Việt Nam thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và

thống nhất quản lý; tổ chức, cá nhân tiến hành điều tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, quyền chủ quyền, quyền tài phán, bảo đảm lợi ích và an ninh quốc gia của Việt Nam, tuân thủ pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; tổ chức, cá nhân tiến hành điều tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, sức khỏe của cộng đồng, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu...

Hoạt động dầu khí thực hiện trên cơ sở hợp đồng dầu khí được ký kết đối với các lô dầu khí theo danh mục được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, cụ thể, hợp đồng dầu khí bao gồm: Hợp đồng chia sản phẩm dầu khí và Loại hợp đồng dầu khí khác. Thời hạn hợp đồng dầu khí không quá 30 năm, trong đó thời hạn của giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí không quá 05 năm.

Đối với lô dầu khí trong danh mục các lô dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư và ưu đãi đầu tư đặc biệt, thời hạn hợp đồng dầu khí là không quá 35 năm, trong đó thời hạn của giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí không quá 10 năm.

Ngoài ra, thời hạn hợp đồng dầu khí và thời hạn của giai đoạn tìm kiếm thăm dò dầu khí có thể được gia hạn nhưng không quá 05 năm trên cơ sở chấp thuận của Bộ Công Thương, trừ trường hợp theo quy định.

Các bên tham gia hợp đồng dầu khí có thể thỏa thuận mức thu hồi chi phí của nhà thầu trong hợp đồng dầu khí tối đa như sau: 50% sản lượng dầu khí khai thác được trong năm (sản lượng) đối với hợp đồng dầu khí áp dụng cho lô dầu khí thông thường; 70% sản lượng đối với các hợp đồng dầu khí áp dụng cho lô, mỏ dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư; 80% sản lượng đối với các hợp đồng dầu khí áp dụng cho lô, mỏ dầu khí được hưởng chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt.

Luật có hiệu lực từ ngày 01/7/2023.

3. 06 ĐỊA CHỈ TIẾP NHẬN TIN BÁO, TỔ GIÁC VỀ HÀNH VI BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Ngày 14/11/2022, Quốc hội thông qua Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, số 13/2022/QH15. Luật này quy định về phòng ngừa, ngăn chặn, bảo vệ, hỗ trợ, xử lý vi phạm trong phòng, chống bạo lực gia đình; điều kiện bảo đảm phòng, chống bạo lực gia đình; quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân trong phòng, chống bạo lực gia đình.

Theo đó, bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, tình dục, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình.

Cụ thể, hành vi bạo lực gia đình bao gồm: Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng; lăng mạ, chì chiết hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm;

cưỡng ép chứng kiến bạo lực đối với người, con vật nhằm gây áp lực thường xuyên về tâm lý; bỏ mặc, không quan tâm; không nuôi dưỡng, chăm sóc thành viên gia đình là trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc; không giáo dục thành viên gia đình là trẻ em; kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới, giới tính, năng lực của thành viên gia đình; ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau; tiết lộ hoặc phát tán thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình của thành viên gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cưỡng ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ hoặc chồng.

Các hành vi bị nghiêm cấm trong phòng, chống bạo lực gia đình gồm: Kích động, xúi giục, lôi kéo, dụ dỗ, giúp sức, cưỡng ép người khác thực hiện hành vi bạo lực gia đình; sử dụng, truyền bá thông tin, tài liệu, hình ảnh, âm thanh nhằm kích động bạo lực gia đình; trả thù, đe dọa trả thù người giúp đỡ người bị bạo lực gia đình, người phát hiện, báo tin, tố giác, ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình; cản trở việc phát hiện, báo tin, tố giác, ngăn chặn và xử lý hành vi bạo lực gia đình; lợi dụng hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình để thực hiện hành vi trái pháp luật; dung túng, bao che, không xử lý, xử lý không đúng quy định của pháp luật đối với hành vi bạo lực gia đình.

Người bị bạo lực gia đình có các quyền sau đây: Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền bảo vệ sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp khác có liên quan đến hành vi bạo lực gia đình; yêu cầu cơ quan, cá nhân có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, bảo vệ, hỗ trợ theo quy định; được bố trí nơi tạm lánh, giữ bí mật về nơi tạm lánh và thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; yêu cầu người có hành vi bạo lực gia đình khắc phục hậu quả, bồi thường tổn hại về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và thiệt hại về tài sản...

Luật cũng nêu rõ 6 địa chỉ tiếp nhận tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình bao gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra bạo lực gia đình; Cơ quan Công an, Đoàn Biên phòng gần nơi xảy ra bạo lực gia đình; Cơ sở giáo dục nơi mà người bị bạo lực gia đình học; Trưởng thôn, Trưởng Ban công tác Mặt trận, Tổ trưởng tổ dân phố khu dân cư nơi xảy ra bạo lực gia đình; Người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội cấp xã nơi xảy ra bạo lực gia đình; Tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình.

Việc báo tin, tố giác về hành vi bạo lực gia đình đến các địa chỉ trên thực hiện theo hình thức: Gọi điện, nhắn tin, gửi đơn, gửi thư hoặc trực tiếp báo tin.

Luật có hiệu lực từ ngày 01/7/2023.

4. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Ngày 16/01/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định 01/2023/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (gọi tắt là Bộ VHTTDL).

Bộ VHTTDL là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch trong phạm vi cả nước; quản lý Nhà nước các dịch vụ công trong các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ.

Ngoài việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Nghị định số 123/2016/NĐ-CP và Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28/8/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP, Bộ có nhiệm vụ và quyền hạn sau: Hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật về hoạt động nghệ thuật biểu diễn theo thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ; Hướng dẫn và tổ chức thực hiện chiến lược phát triển ngành điện ảnh sau khi được phê duyệt; thực hiện quản lý nhà nước về biểu tượng văn hóa quốc gia theo quy định của pháp luật; hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý hoạt động mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ; xây dựng, ban hành, chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan; hướng dẫn điều

kiện thành lập và hoạt động thư viện; thực hiện quản lý nhà nước về quảng cáo; hướng dẫn, tổ chức thực hiện chiến lược phát triển gia đình Việt Nam và quản lý nhà nước về thể dục, thể thao cho mọi người...

Về cơ cấu tổ chức, Bộ VH-TT-DL có 25 đơn vị trực thuộc gồm 20 tổ chức hành chính và 05 đơn vị sự nghiệp công lập.

Nghị định quy định điều khoản chuyển tiếp cụ thể gồm: Vụ Thi đua, Khen thưởng tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo các quy định hiện hành cho đến khi Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Tổ chức cán bộ. Tổng cục Du lịch, Tổng cục Thể dục thể thao tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo các quy định hiện hành cho đến khi Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, Cục Thể dục thể thao. Các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Tổng cục Du lịch, Tổng cục Thể dục thể thao tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo các quy định hiện hành cho đến khi Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sắp xếp, tổ chức lại thành đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Cục Du lịch Quốc gia Việt Nam, Cục Thể dục thể thao.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 20/02/2023.

5. HƯỚNG DẪN THỦ TỤC ÁP DỤNG THUẾ XUẤT KHẨU ƯU ĐÃI THEO HIỆP ĐỊNH EVFTA

Ngày 30/12/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định 116/2022/NĐ-CP về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu giai đoạn 2022-2027.

Cụ thể, thủ tục áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi theo Hiệp định EVFTA như sau: tại thời điểm làm thủ tục hải quan, người khai hải quan thực hiện khai tờ khai xuất khẩu, áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu, tính thuế và nộp thuế theo Biểu thuế xuất khẩu theo Danh mục mặt hàng chịu thuế tại Nghị định Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai xuất khẩu, người khai hải quan nộp đầy đủ chứng từ chứng minh hàng hóa đáp ứng quy định và thực hiện khai bổ sung để áp dụng mức thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi theo Hiệp định EVFTA. Quá thời hạn 01 năm nêu trên, hàng hóa xuất khẩu không được áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi theo Hiệp định EVFTA.

Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi theo Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, nếu hàng hóa xuất khẩu đáp ứng đủ các điều kiện thì áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi theo Hiệp định EVFTA và thực hiện xử lý tiền thuế nộp thừa cho người khai

hải quan theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 30/12/2022.

6. BIỂU THUẾ XUẤT KHẨU ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT ĐỂ THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH UKVFTA

Ngày 30/12/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định 117/2022/NĐ-CP về Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len giai đoạn 2022 – 2027.

Theo đó, hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam được áp dụng thuế suất thuế xuất khẩu ưu đãi theo Hiệp định UKVFTA phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: được nhập khẩu vào Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len; có chứng từ vận tải (bản chụp) thể hiện đích đến là Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len theo quy định hiện hành; có tờ khai hải quan nhập khẩu hoặc chứng từ thay thế tờ khai hải quan của lô hàng xuất khẩu từ Việt Nam nhập khẩu vào Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (bản chụp) theo quy định hiện hành. Các chứng từ này nếu không phải bản tiếng Việt hoặc tiếng Anh thì người khai hải quan phải dịch ra tiếng Việt hoặc tiếng Anh và chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch.

Ngoài ra, các mặt hàng không thuộc Biểu thuế xuất khẩu ưu đãi theo Hiệp định UKVFTA được áp dụng mức thuế suất 0% khi xuất khẩu sang Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30/12/2022.

7. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỦA 3 PHÓ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Ngày 15/01/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 19/QĐ-TTg về việc phân công nhiệm vụ của các Phó Thủ tướng Chính phủ.

Theo đó, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái được phân công chỉ đạo giải quyết công việc liên quan đến thương mại - xuất nhập khẩu, dự trữ và cung ứng nguồn cung xăng dầu, dịch vụ logistics, các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất trong thời gian Phó Thủ tướng Lê Văn Thành vắng mặt; theo dõi và chỉ đạo Văn phòng Chính phủ, Ngân hàng Chính sách xã hội...

Bên cạnh đó, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà được phân công chỉ đạo giải quyết công việc liên quan đến công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, tài nguyên và môi trường; quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; bảo đảm năng lượng, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; các công trình trọng điểm quốc gia...

Mặt khác, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang theo dõi, chỉ đạo các lĩnh vực công tác như sau: công tác xây dựng thể chế, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách tư pháp; ngoại giao và quan hệ đối ngoại; hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vận động vốn vay ưu đãi; viện trợ phi Chính phủ nước ngoài, các tổ chức phi Chính phủ nước ngoài...

Quyết định có hiệu lực từ ngày 15/01/2023.

8. XỬ LÝ NGHIÊM VIỆC VẬN CHUYỂN, KINH DOANH THỊT GIA SÚC, GIA CẦM KHÔNG RÕ NGUỒN GỐC

Ngày 14/01/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị 02/CT-TTg về việc tăng cường công tác quản lý, kiểm soát giết mổ động vật bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm.

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cả nước có 456 cơ sở giết mổ động vật tập trung tại 37 tỉnh, thành phố được cấp Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, vẫn còn hơn 22.000 cơ sở giết mổ động vật nhỏ lẻ, chưa đáp ứng điều kiện vệ sinh thú y/an toàn thực phẩm.

Do đó, Thủ tướng yêu cầu Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các tiêu chuẩn, quy chuẩn về kiểm soát giết mổ, các quy định đối với mạng lưới cơ sở giết mổ động vật tập trung tại các địa phương theo đúng quy định của Luật Thú y; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, đặc biệt là thanh tra, kiểm tra đột xuất về thú y, an toàn thực phẩm đối với cơ sở giết mổ động vật; giải quyết kịp thời các sự cố mất an toàn thực phẩm...

Bộ Công Thương tăng cường công tác quản lý thị trường, xử lý nghiêm việc vận chuyển, kinh doanh thịt gia súc, gia cầm chưa qua kiểm dịch không rõ nguồn gốc lưu thông trên thị trường, đặc biệt tại các chợ đầu mối.

Bộ Y tế chỉ đạo tăng cường giám sát phát hiện sớm những trường hợp nhiễm, nghi nhiễm các loại bệnh lây từ động vật sang người, bệnh truyền qua thực phẩm có nguồn gốc động vật, chủ động giám sát tại cộng đồng...

Bộ Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng thông tin tuyên truyền cho người dân việc kinh doanh, giết mổ động vật bảo đảm an toàn dịch bệnh, an toàn thực phẩm.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trực tiếp chỉ đạo, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư, xây dựng cơ sở, dây chuyền giết mổ động vật theo hướng hiện đại; có chính sách nâng cấp các cơ sở giết mổ được sắp xếp trong mạng lưới cơ sở giết mổ động vật tập trung. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật nhà nước, pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, an toàn thực phẩm.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành từ ngày 14/01/2023.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

9. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Ngày 10/01/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 03/2023/TT-BTC về việc quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách Nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Theo đó, về dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tiền thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ.

Trong đó, định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ tối đa không quá 40 triệu đồng/người/tháng; đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ. Dự toán chi tiền công thuê lao động phổ thông hỗ trợ các công việc trong nội dung nghiên cứu được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán...

Các định mức lập dự toán kinh phí ngân sách Nhà nước quy định tại Thông tư này là định mức tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và

công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách Nhà nước. Căn cứ Thông tư này, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách được giao để phê duyệt định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 26/02/2023.

10. ĐỘI TUYỂN HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA HÀ NỘI CÓ THỂ LÊN TỚI 20 NGƯỜI

Ngày 06/01/2023, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư 02/2023/TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia ban hành kèm theo Thông tư số 56/2011/TT-BGDĐT ngày 25/11/2011 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 41/2012/TT-BGDĐT ngày 19/11/2012 và Thông tư số 37/2013/TT-BGDĐT ngày 27/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cụ thể, theo Quy chế sửa đổi, đối tượng dự thi là thí sinh là học sinh đang học ở cấp trung học phổ thông, có xếp loại hạnh kiểm và học lực từ khá trở lên theo kết quả cuối kỳ liền kề với kỳ thi và được chọn vào đội tuyển của đơn vị dự thi.

Ngoài ra, đội tuyển của mỗi môn thi của từng đơn vị dự thi (trừ đơn vị dự thi Hà Nội) có tối đa 06 thí sinh. Trường hợp đội tuyển có đủ số lượng tối đa thí sinh dự thi và có 80% số thí sinh trở lên đoạt giải trong hai kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia liên tiếp được Bộ Giáo dục

và Đào tạo xét tăng đến tối đa 10 thí sinh/đội tuyển/môn thi.

Riêng với đơn vị dự thi Hà Nội, đội tuyển mỗi môn thi của đơn vị dự thi có tối đa 12 thí sinh. Trường hợp đội tuyển có đủ số lượng tối đa thí sinh dự thi và có 80% số thí sinh trở lên đoạt giải trong hai kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia liên tiếp được Bộ Giáo dục và Đào tạo xét tăng đến tối đa 20 thí sinh/đội tuyển/môn thi.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21/02/2023.

11. HƯỚNG DẪN QUẢN LÝ TIỀN CÔNG ĐỨC, TÀI TRỢ CHO DI TÍCH VÀ HOẠT ĐỘNG LỄ HỘI

Ngày 19/01/2023, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 04/2023/TT-BTC về việc hướng dẫn quản lý, thu chi tài chính cho công tác tổ chức lễ hội và tiền công đức, tài trợ cho di tích và hoạt động lễ hội.

Theo đó, người đại diện cơ sở tôn giáo tự quyết định và chịu trách nhiệm về tiếp nhận, quản lý, sử dụng tiền công đức, tài trợ cho việc bảo vệ, phát huy giá trị di tích và hoạt động lễ hội, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, pháp luật về di sản

văn hóa và pháp luật khác có liên quan. Đối với di tích giao cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý, sử dụng thì số tiền công đức, tài trợ đã tiếp nhận (trừ các khoản công đức, tài trợ có mục đích, địa chỉ cụ thể) được phân bổ và sử dụng như sau:

Trích theo tỷ lệ phần trăm để tạo nguồn kinh phí tu bổ, phục hồi đối với các di tích khác trên địa bàn cấp tỉnh (không áp dụng đối với di tích có số thu tiền công đức, tài trợ thấp không đủ chi cho hoạt động lễ hội và chi thường xuyên): Số tiền này chuyển vào tài khoản riêng của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định.

Trích để lại theo tỷ lệ phần trăm để chi hoạt động lễ hội theo quy định (áp dụng đối với di tích có hoạt động lễ hội do cơ quan Nhà nước tổ chức định kỳ tại di tích). Trường hợp đơn vị không được Ban tổ chức lễ hội giao quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức lễ hội thì chuyển số tiền này vào tài khoản của đơn vị được Ban tổ chức lễ hội giao quản lý, sử dụng kinh phí tổ chức lễ hội...

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 19/3/2023.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO LUẬT CĂN CƯỚC CÔNG DÂN (SỬA ĐỔI)

Nhằm bảo đảm từng bước thay thế các giấy tờ cá nhân trên cơ sở tích hợp, xác thực các thông tin, giấy tờ cá nhân vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để chỉ cần sử dụng thẻ Căn cước công dân, ứng dụng định

danh điện tử quốc gia (VNeID); thực hiện chỉ đạo của Chính phủ về xây dựng dự án Luật Căn cước công dân (sửa đổi), Bộ Công an đã xây dựng dự thảo Luật Căn cước công dân (sửa đổi) gồm 07 Chương với 45 Điều quy định về căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư,

Cơ sở dữ liệu căn cước; quản lý, sử dụng thẻ căn cước công dân; tài khoản định danh điện tử; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Công dân dưới 14 tuổi hoặc cha, mẹ, người giám hộ của công dân dưới 14 tuổi có quyền đề nghị cơ quan quản lý căn cước cấp thẻ căn cước công dân. Đối với công dân là trẻ dưới 6 tuổi nhưng chưa đăng ký khai sinh thì khi thực hiện cấp thẻ căn cước công dân đồng thời khi đăng ký khai sinh.

Khi cha, mẹ hoặc người giám hộ thực hiện thủ tục đăng ký khai sinh thì cơ quan tư pháp-hộ tịch chuyển thông tin đăng ký khai sinh và đề nghị cấp thẻ căn cước công dân của cha, mẹ hoặc người giám hộ cho cơ quan Công an để thực hiện việc cấp thẻ căn cước công dân đồng thời với việc đăng ký cư trú. Đối với trẻ đã đăng ký khai sinh, cha, mẹ hoặc người giám hộ đến cơ quan quản lý căn cước và thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước công dân theo quy định (trẻ dưới 6 tuổi thì không thu nhận thông tin sinh trắc học). Trường hợp công dân là trẻ em đủ 06 tuổi trở lên thì cha, mẹ hoặc người giám hộ phải đưa trẻ em đó đến cơ quan quản lý căn cước để thu nhận ảnh khuôn mặt khi thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước công dân.

Theo dự thảo, căn cước công dân điện tử có giá trị sử dụng tương đương như việc sử dụng thẻ căn cước công dân trong thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình thẻ căn cước công dân; có giá trị cung

cấp thông tin trong các loại giấy tờ của công dân đã được đồng bộ vào tài khoản định danh điện tử để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối chiếu khi thực hiện các giao dịch có yêu cầu xuất trình giấy tờ đó.

Căn cước công dân điện tử là tài khoản định danh điện tử, chứa thông tin được in trên thẻ căn cước công dân, thông tin được tích hợp vào thẻ căn cước công dân và thông tin khác của công dân trong hệ thống định danh và xác thực điện tử. Tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập được sử dụng để thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử và các giao dịch, hoạt động khác theo nhu cầu của chủ thẻ danh tính điện tử. Khi chủ thẻ danh tính điện tử sử dụng tài khoản định danh điện tử trong các hoạt động, giao dịch điện tử thì có giá trị tương đương với việc xuất trình giấy tờ, tài liệu để chứng minh thông tin đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử.

Hiện nay, dự thảo đang được gửi văn bản lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương có liên quan và được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của Bộ Công an để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; dự kiến trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV (tháng 5 năm 2023) và xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ 6 Quốc hội khóa XV (tháng 11 năm 2023).

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Cơ quan thuộc Chính phủ được xem xét thành lập cơ quan thanh tra khi nào?

Trả lời: Theo Điều 34 Luật Thanh tra 2022 quy định Chính phủ xem xét, quyết định việc thành lập cơ quan thanh tra ở cơ quan thuộc Chính phủ khi được giao thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước và được giao nhiệm vụ thanh tra.

2. Hỏi: Xin hỏi thời hạn thực hiện một cuộc thanh tra?

Trả lời: Theo Điều 47 Luật Thanh tra 2022 quy định thời hạn thực hiện một cuộc thanh tra được quy định như sau:

- Cuộc thanh tra do Thanh tra Chính phủ tiến hành không quá 60 ngày; trường hợp phức tạp thì có thể gia hạn một lần không quá 30 ngày; trường hợp đặc biệt phức tạp thì có thể gia hạn lần thứ hai không quá 30 ngày;

- Cuộc thanh tra do Thanh tra Bộ, Thanh tra Tổng cục, Cục, Thanh tra tỉnh tiến hành không quá 45 ngày; trường hợp phức tạp thì có thể gia hạn một lần không quá 30 ngày;

- Cuộc thanh tra do Thanh tra sở, Thanh tra huyện tiến hành không quá 30 ngày; trường hợp phức tạp hoặc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì có thể gia hạn một lần không quá 15 ngày.

3. Hỏi: Căn cứ để tiến hành thanh tra?

Trả lời: Theo Khoản 1 Điều 56 Luật Thanh tra 2022 quy định việc thanh tra được thực hiện khi có một trong các căn cứ sau đây:

- Có vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục trong quá trình tiến hành thanh tra;

- Có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật khi kết luận thanh tra;

- Nội dung trong kết luận thanh tra không phù hợp với những chứng cứ thu thập được trong quá trình tiến hành thanh tra;

- Người tiến hành thanh tra cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ việc hoặc cố ý kết luận trái pháp luật;

- Có dấu hiệu vi phạm pháp luật nghiêm trọng của đối tượng thanh tra nhưng chưa được phát hiện đầy đủ qua thanh tra.

4. Hỏi: Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thanh tra?

Trả lời: Theo Điều 8 Luật Thanh tra 2022 quy định các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động thanh tra, cụ thể như sau:

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn thanh tra để thực hiện hành vi trái pháp luật, sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác; lạm quyền trong quá trình tiến hành thanh tra.

- Thanh tra không đúng thẩm quyền, không đúng với nội dung quyết định thanh tra, kế hoạch tiến hành thanh tra đã được phê duyệt.

- Cố ý không ra quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật mà theo quy định của pháp luật phải tiến hành thanh tra; bao che cho đối tượng thanh tra; cố ý kết luận sai sự thật; kết luận, quyết định, xử lý trái pháp luật; không kiến nghị khởi tố và chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm được phát hiện qua thanh tra đến cơ quan điều tra để xem xét, quyết định việc khởi tố vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

- Đưa hối lộ, nhận hối lộ, môi giới hối lộ trong hoạt động thanh tra.

- Tiết lộ thông tin, tài liệu liên quan đến cuộc thanh tra khi kết luận thanh tra chưa được công khai.

- Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động thanh tra; tác động làm sai lệch kết quả thanh tra, kết luận, kiến nghị thanh tra.

- Không cung cấp thông tin, tài liệu hoặc cung cấp không kịp thời, không đầy đủ, không trung thực, thiếu chính xác; chiếm đoạt, tiêu hủy tài liệu, vật chứng liên quan đến nội dung thanh tra.

- Chống đối, cản trở, mua chuộc, đe dọa, trả thù, trù dập người tiến hành thanh tra, người thực hiện giám sát, người thực hiện thẩm định, người cung cấp thông tin, tài liệu cho cơ quan thực hiện chức năng thanh tra; gây khó khăn cho hoạt động thanh tra.

- Hành vi khác bị nghiêm cấm theo quy định của luật./.